



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 01/KQXN.30.05.2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

I. Thông tin mẫu:

- Tên mẫu:** Nước sinh hoạt
- Mã mẫu:**
20.05.25.A1 (M1): Vòi phát Xí nghiệp nước An Bài
20.05.25.A2 (M2): GĐ Nguyễn Bá Ngọc - Tổ 1 - TT. An Bài - H. Quỳnh Phụ - T. Thái Bình
20.05.25.A3(M3): GĐ Trần Văn Hiếu - Tổ 3 - TT. An Bài - H. Quỳnh Phụ - T. Thái Bình
- Mô tả mẫu:** Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml
- Nơi lấy mẫu:** Xí nghiệp nước An Bài
- Địa chỉ:** Tổ 02 - Thôn Đông Linh - Thị trấn An Bài - Huyện Quỳnh Phụ - Tỉnh Thái Bình.
- Người gửi mẫu/Lấy mẫu:** Phạm Minh Đức
- Ngày nhận mẫu:** 20/05/2025
- Thời gian thí nghiệm:** 20/05/2025



II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

T T	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025 (LoD= 1.13)	< 3.78	KPH	KPH	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	/	Không có mùi vị lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7.38	7.33	7.38	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.468	0.346	0.232	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021 (LoD= 0.05)	0.59	0.58	0.47	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008 (LoD=0.012)	KPH	KPH	KPH	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149 (LoD= 0.006)	KPH	KPH	KPH	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO ₃) (*)	TCVN 6224:1996 (LoD= 8.02)	117.5	200	202.5	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni (*)	Method 8038 (LoD= 0.02)	< 0.08	KPH	KPH	mg/L	0.3

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "***" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 01/KQXN.30.05.2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
10.	Nitrit (NO_2^- tính theo N) (*)	Method 8507 (LoD= 0.0015)	0.008	0.006	0.007	mg/L	0.05
11.	Hàm lượng Sulfate (SO_4^{2-})(*)	Method 8051 (LoD=1.22)	11	11	10	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996 (LoD=0.10)	< 0.34	KPH	< 0.34	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua (*)	TCVN6194:1996 (LoD= 1.20)	10.64	10.64	13.47	mg/L	250 hoặc 300

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCDP 01: 2023/TB
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 3
2.	E.coli (**)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện (Kết quả dưới mức LoD).
- LoD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.
- LoQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.
- Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LoD E.coli, Coliform : 01CFU/ 100ml.

Thái Bình, ngày 30 tháng 05 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG KH-KT

TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM



Trần Văn Đức

Nguyễn Trung Kiên

Phùng Thị Thu Hà

- Lưu ý:**
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.
 2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.
 3. "*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
 4. "**" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

2/2